

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 59
8. Phụ lục	60 - 63

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020 ngày 03 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 01 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 2.143.000.000.000 VND lên 5.500.000.000.000 VND;
- Thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 8 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ từ 5.500.000.000.000 VND lên 8.500.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 8.500.000.000.000 VND

Vốn pháp định 6.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 7.752.803.839.929 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : (84 -65) 3 822 655
Fax : (84 -65) 3 822 713
E-mail : becamex@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 1 4 5 0 2 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Bàu Bàng - Thới Hòa	Khu công nghiệp Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Ban quản lý phát triển khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính;
- Sản giao dịch bất động sản;



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao);
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;
- Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần khoáng sản Becamex cho Công ty cổ phần bê tông Becamex, Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương và Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương theo các Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐTV và số 2B/2014/NQ-HĐTV ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng thành viên. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng góp vốn bổ sung vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước với số tiền là 65.467.000.000 VND và Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore với số tiền là 38.095.331.442 VND. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng điều chỉnh giảm phần vốn góp vào Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương từ 1.071.357.338.981 VND xuống còn 573.387.165.643 VND theo Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, tuy nhiên Tổng Công ty cũng đã cấp bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương theo Nghị quyết số 10.1/2014/NQ-HĐTV của Hội đồng thành viên ngày 22 tháng 11 năm 2014 với số tiền 45.451.294.393 VND.

Trong năm nay Tổng Công ty đã rà soát và điều chỉnh lại giá thành dự toán của tất cả các dự án do những dự toán này đã xây dựng từ lâu không còn phù hợp tình hình thực tế, việc điều chỉnh này đã làm cho giá vốn năm nay tăng thêm 507.954.624.868 VND, qua đó đã làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay giảm khoảng 62,09% so với năm trước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 63).

189,
T
H
A
T
C
H
O

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	152.411.373.606 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.705.320.833 VND
- Lợi nhuận nộp ngân sách	350.921.217.584 VND
Cộng	508.037.912.023 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Bùi Văn Đức	Phó Chủ tịch	02 tháng 6 năm 2010	08 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Chủ tịch	08 tháng 10 năm 2014	-
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Thành viên	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	02 tháng 6 năm 2010	-

Kiểm soát viên

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	18 tháng 8 năm 2010	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	-
Ông Bùi Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	-
Ông Bùi Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	08 tháng 10 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Dành	Phó Tổng Giám đốc		
	Kiểm Kế toán trưởng	30 tháng 12 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0434/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
– TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

ACI
M
3/15

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.232.073.758.309	23.145.566.922.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.549.069.409.966	4.686.628.877.930
1. Tiền	111		1.141.750.419.734	2.683.808.332.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.407.318.990.232	2.002.820.545.788
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		69.500.000.000	36.460.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	69.500.000.000	36.460.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.785.949.071.492	5.307.191.085.392
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	3.250.150.114.710	1.762.015.583.709
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	338.944.210.256	734.794.164.294
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3.196.854.746.526	2.810.482.137.389
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	-	(100.800.000)
IV. Hàng tồn kho	140		14.576.853.048.427	13.034.047.091.017
1. Hàng tồn kho	141	V.7	14.576.853.048.427	13.034.047.091.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		250.702.228.424	81.239.868.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	23.476.078.552	17.097.464.195
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	38.786.232.860
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.23	218.302.622.400	1.938.284.501
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8.923.527.472	23.417.886.742

044
ÔN
NHỊ
+ OAN
A 8
Y-T.1

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.653.267.971.956	9.409.012.918.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.753.055.361	316.061.630.477
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	20.753.055.361	316.061.630.477
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		290.224.608.044	407.056.664.223
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	255.932.551.664	288.829.061.645
<i>Nguyên giá</i>	222		531.946.789.231	510.693.369.373
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(276.014.237.567)	(221.864.307.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	31.400.552.607	2.866.453.180
<i>Nguyên giá</i>	228		36.245.992.670	7.182.467.621
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.845.440.063)	(4.316.014.441)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	2.891.503.773	115.361.149.398
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	211.206.517.353	43.350.051.720
<i>Nguyên giá</i>	241		212.295.714.633	43.567.891.176
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.089.197.280)	(217.839.456)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.124.056.782.956	8.636.046.395.912
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	3.961.366.937.405	4.393.214.816.350
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	4.160.492.026.191	4.203.897.725.949
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	105.304.620.000	168.207.978.880
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(103.106.800.640)	(129.274.125.267)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.027.008.242	6.498.176.221
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	6.153.471.851	5.624.639.830
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		873.536.391	873.536.391
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.885.341.730.265	32.554.579.841.190

9815-
G TY
NH HUUH
VA TU V
C
HO CH

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		25.113.048.658.428	25.173.144.338.431
I. Nợ ngắn hạn	310		16.438.753.692.010	17.406.751.013.959
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	4.546.007.461.797	6.387.704.181.872
2. Phải trả người bán	312	V.21	597.021.837.455	823.770.885.879
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	1.069.872.971.445	1.020.369.797.336
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	123.454.670.710	320.982.786.607
5. Phải trả người lao động	315	V.24	21.484.034.259	50.649.929.153
6. Chi phí phải trả	316	V.25	9.453.068.255.645	8.066.599.220.412
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	507.971.428.127	493.786.595.334
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	119.873.032.572	242.887.617.366
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.674.294.966.418	7.766.393.324.472
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.28	43.776.708.000	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29	2.719.840.000	2.524.840.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	8.568.803.870.745	7.723.757.957.651
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.31	41.704.022.434	22.060.741.308
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	V.32	17.290.525.239	18.049.785.513
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.772.293.071.837	7.381.435.502.759
I. Vốn chủ sở hữu	410		7.772.293.071.837	7.381.435.502.759
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	7.752.803.839.929	6.133.086.227.707
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	-	1.229.127.795.422
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	19.489.231.908	19.221.479.630
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.885.341.730.265	32.554.579.841.190



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		703.021.165	703.021.165
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.420.336,65	450.270,06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2015




Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

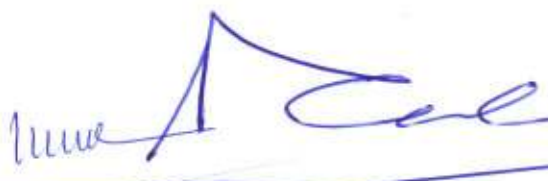
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.809.654.959.084	1.886.987.867.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.922.040.187	16.786.893.459
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.801.732.918.897	1.870.200.973.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.473.583.872.548	880.197.220.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		328.149.046.349	990.003.753.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	836.054.672.033	1.199.876.184.750
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	161.133.728.907	246.558.009.011
Trong đó: chi phí lãi vay	23		185.153.036.374	201.359.153.534
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	362.488.541.825	348.753.345.744
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	114.918.997.807	233.417.739.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		525.662.449.843	1.361.150.843.081
11. Thu nhập khác	31	VI.7	54.154.119.369	30.602.991.939
12. Chi phí khác	32	VI.8	71.510.904.911	50.925.508.641
13. Lợi nhuận khác	40		(17.356.785.542)	(20.322.516.702)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		508.305.664.301	1.340.828.326.379
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	-	156.427.080.062
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>508.305.664.301</u>	<u>1.184.401.246.317</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>



Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2015


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		508.305.664.301	1.340.828.326.379
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12, 14	65.797.338.324	50.883.565.135
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 18	(26.268.124.627)	43.417.476.798
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(1.684.542.198)	(187.285.550)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7, 8	(755.163.968.011)	(1.188.795.981.236)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	185.153.036.374	201.359.153.534
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23.860.595.837)	447.505.255.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(784.343.118.483)	(1.028.142.289.538)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(734.404.692.222)	(2.422.527.277.359)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.103.835.016.501	94.579.811.984
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.907.446.378)	(6.433.888.346)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(729.101.086.532)	(656.490.778.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(137.994.534.607)	(76.576.739.058)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.718.426.756	914.940.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(130.218.125.767)	(85.579.360.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.441.276.156.569)	(3.732.750.326.206)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(84.083.547.424)	(36.571.058.082)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	186.245.091	142.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(64.063.267.544)	(60.460.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.023.267.544	2.164.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(110.918.294.393)	(12.278.230.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.181.031.200	50.410.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		522.774.308.834	440.675.309.923
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		300.099.743.308	2.545.918.749.113

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.33	733.379.157.940	580.129.156.658
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20, 30	7.000.733.186.427	8.166.816.992.088
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20, 30	(7.997.383.993.408)	(3.885.060.919.886)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23, 33	(733.379.157.940)	(580.129.156.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(996.650.806.981)	4.281.756.072.202
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.137.827.220.242)	3.094.924.495.109
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.686.628.877.930	1.591.517.097.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		267.752.278	187.285.550
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.549.069.409.966	4.686.628.877.930

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2015


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Tổng Công ty Nhà nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư, xây dựng, sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mủ cao su.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty có 1.730 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.743 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hoá bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Vườn cây lâu năm	10

6. Tài sản thuê hoạt động

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

ĐƠN
CÓ
CHỈ
HỌ TÊN
A
ĐƠN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Tổng Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Tổng Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Tổng Giám đốc quyết định thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

44981
NG T
HIỆM H
IN VÀ T
& C
T.P.H.C

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ phát triển khoa học và công nghệ đồng thời ghi tăng quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định. Khi sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ, tài sản này được trích khấu hao và ghi giảm quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định tương ứng.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo Quyết định của Tổng Giám đốc và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

17. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo quy định tại Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2013, 2014.

Các quỹ được Tổng Công ty trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế/ Mức trích lập
• Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp	30%
• Quỹ khen thưởng	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.	
• Quỹ phúc lợi	Chi cho các hoạt động phúc lợi	3 tháng lương
• Quỹ thưởng Ban điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất cho Ban điều hành	1,5 tháng lương

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng thành viên hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.079 VND/USD
31/12/2014: 21.371 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.072.939.531	3.512.253.533
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	1.138.677.480.203	2.680.296.078.609
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	1.407.318.990.232	2.002.820.545.788
Cộng	2.549.069.409.966	4.686.628.877.930

- (i) Trong đó, khoản tiền gửi 700.344.286.934 VND và 1.394.954,08 USD tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương được cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.20 và V.30).

- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, một số khoản tiền gửi được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng, bao gồm:

- Tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này với số tiền là 687.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20 và V.30);
- Tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này với số tiền là 90.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm (*)	44.000.000.000	10.460.000.000
Các khoản cho vay	25.500.000.000	26.000.000.000
- Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 5%/năm	5.500.000.000	6.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ và đầu tư vay với lãi suất 5%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	69.500.000.000	36.460.000.000

(*) Toàn bộ khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.20 và V.30).

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền chuyển nhượng đất các khu dân cư	3.107.112.705.652	1.665.186.065.924
Phải thu tiền thuê khu công nghiệp	26.563.279.368	43.451.003.526
Phải thu các khách hàng mua căn hộ	60.295.626.826	3.026.605.725
Các khách hàng khác	56.178.502.864	50.351.908.534
Cộng	3.250.150.114.710	1.762.015.583.709

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước người bán tiền mua tài sản	386.622.200	821.841.239
Trả trước người bán tiền mua vật tư	241.189.504.682	603.661.645.900
Trả trước người bán tiền xây dựng	91.372.030.230	105.761.399.640
Trả trước người bán tiền dịch vụ	5.801.263.874	19.552.020.773
Trả trước người bán tiền vận chuyển	-	4.997.256.742
Các khoản trả trước người bán khác	194.789.270	-
Cộng	338.944.210.256	734.794.164.294

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.820.543.264.124	2.595.162.688.778
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	55.691.582.650	47.473.850.950
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	92.600.020.000	53.180.020.000
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	68.172.468.719	55.422.042.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	5.235.566.969	3.323.918.106
Thuế thu nhập cá nhân đội xe	219.082.641	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	501.308.366	341.557.448
Các khoản phải thu khác	153.891.453.057	55.578.059.779
Cộng	3.196.854.746.526	2.810.482.137.389

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Quyền thu cổ tức hàng năm của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được dùng để đảm bảo cho các khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương với số tiền tối đa là 180 tỷ VND (xem thuyết minh số V.20).

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(100.800.000)	-
Trích lập dự phòng	-	(100.800.000)
Hoàn nhập dự phòng	100.800.000	-
Số cuối năm	-	(100.800.000)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	65.470.242.663	95.728.722.639
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	14.299.408.397.169	12.848.896.269.700
Thành phẩm	178.672.711	178.672.711
Hàng hóa	211.795.735.884	89.243.425.967
Cộng	14.576.853.048.427	13.034.047.091.017

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.20 và V.30).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.413.606.231	1.135.800.165
Chi phí quảng cáo	17.039.724.545	10.937.859.091
Chi phí thuê nhà	606.390.000	876.370.000
Chi phí khác	3.416.357.776	4.147.434.939
Cộng	23.476.078.552	17.097.464.195

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng chi phí công tác	8.098.152.680	18.815.510.110
Tạm ứng chi phí đền bù	720.374.792	4.497.376.632
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	105.000.000	105.000.000
Cộng	8.923.527.472	23.417.886.742

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền chuyển nhượng đất các khu dân cư	13.013.782.250	311.557.392.056
Phải thu tiền thuê đất các khu công nghiệp	7.264.273.111	4.504.238.421
Các khách hàng khác	475.000.000	-
Cộng	<u>20.753.055.361</u>	<u>316.061.630.477</u>

Các khoản phải thu dài hạn của khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	6.204.690.889	977.776.732	7.182.467.621
Mua sắm mới trong năm	30.078.157.651	-	-	30.078.157.651
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(452.220.000)	(562.412.602)	(1.014.632.602)
Số cuối năm	<u>30.078.157.651</u>	<u>5.752.470.889</u>	<u>415.364.130</u>	<u>36.245.992.670</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	396.600.000	-	396.600.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	3.642.936.427	673.078.014	4.316.014.441
Khấu hao trong năm	-	1.265.356.206	161.930.916	1.427.287.122
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(362.837.788)	(535.023.712)	(897.861.500)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>4.545.454.845</u>	<u>299.985.218</u>	<u>4.845.440.063</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	2.561.754.462	304.698.718	2.866.453.180
Số cuối năm	<u>30.078.157.651</u>	<u>1.207.016.044</u>	<u>115.378.912</u>	<u>31.400.552.607</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tăng, giảm chi phí xây dựng, cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Văn phòng cho thuê
Nguyên giá	
Số đầu năm	43.567.891.176
Tăng trong năm	168.727.823.457
Số cuối năm	212.295.714.633
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	217.839.456
Khấu hao trong năm	871.357.824
Số cuối năm	1.089.197.280
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	43.350.051.720
Số cuối năm	211.206.517.353

Bất động sản đầu tư là tầng 16, 17 của tòa nhà Becamex Tower và khách sạn Becamex. Tổng Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

Bất động sản đầu tư được dùng cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	4.627.930.548	4.615.847.238
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	871.357.824	217.839.456

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật ⁽ⁱ⁾	216.066.006	2.171.080.286.000	216.066.006	2.171.080.286.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị UDJ ⁽ⁱⁱ⁾	8.415.000	84.150.000.000	8.415.000	84.150.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.700.500	607.005.000.000	60.700.500	607.005.000.000
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương ^(iv)	15.547.258	155.472.580.000	15.547.258	155.472.580.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ^(v)	13.093.400	148.934.000.000	6.546.700	83.467.000.000
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex ^(vi)	-	-	4.479.600	44.796.000.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex ^(vii)	7.336.704	73.367.040.000	7.336.704	73.367.040.000
Công ty cổ phần dược Becamex ^(viii)	2.060.400	22.195.200.000	2.060.400	22.195.200.000
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông ^(ix)	-	30.600.000.000	-	30.600.000.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương ^(x)	-	618.838.460.036	-	1.071.357.338.981
Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương ^(xi)	-	49.724.371.369	-	49.724.371.369
Cộng		3.961.366.937.405		4.393.214.816.350

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật 2.160.660.060.000 VND, tương đương 78,80% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị UDJ 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 18 ngày 04 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 60,70% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 51,82% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ (trong đó bao gồm số Tổng Công ty tạm thời góp vốn thay cho các bác sỹ và nhân viên của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước là 10.417.000.000 VND và sẽ chuyển giao lại cho các bác sỹ và nhân viên Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước theo quy định tại điều lệ Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước).
- (vi) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần khoáng sản Becamex cho Công ty cổ phần bê tông Becamex.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông Becamex 73.367.040.000 VND, tương đương 73,37% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dược Becamex 20.604.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 11 ngày 28 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương 618.838.460.036 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương 49.724.371.369 VND, tương đương 99,45% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương là 275.628.631 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore ⁽ⁱ⁾	-	463.760.766.191	-	425.665.434.749
Công ty cổ phần Setia - Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	26.400.000	264.000.000.000	26.400.000	264.000.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất ⁽ⁱⁱⁱ⁾	11.144.578	111.445.780.000	11.144.578	111.445.780.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương ^(iv)	6.000.000	60.000.000.000	6.000.000	60.000.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương ^(v)	-	-	804.000	80.400.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Savi ^(vi)	5.066.910	50.669.100.000	5.066.910	50.669.100.000
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam ^(vii)	10.896.400	109.116.380.000	10.896.400	109.116.380.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương ^(viii)	-	-	99.192	1.101.031.200
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(ix)	-	3.010.000.000.000	-	3.010.000.000.000
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông ^(x)	9.150.000	91.500.000.000	9.150.000	91.500.000.000
Cộng		4.160.492.026.191		4.203.897.725.949

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore 38.095.331.442 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 463.760.766.191 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 425.665.434.749 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 01 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Đề Nhất 111.445.780.000 VND, tương đương 37,15% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy phép điều chỉnh số 50GP/KDBH ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Bộ Tài chính cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương 60.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (v) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303923529 thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Savi 50.669.100.000 VND, tương đương 31,67% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700861497 thay đổi lần thứ 01 ngày 26 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam 108.964.000.000 VND, tương đương 21,80% vốn điều lệ.
- (viii) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000756 ngày 01 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701972175 ngày 24 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		105.304.620.000		127.207.978.880
- Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV	-	-	2.250.000	22.500.000.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp VSIP JSC	5.202.528	52.025.280.000	5.202.528	52.025.280.000
- Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi	-	-	65.900	535.318.880
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	3.167.305	52.541.090.000	3.054.109	51.409.130.000
- Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex Tic	73.825	738.250.000	73.825	738.250.000
Cho vay dài hạn		-		41.000.000.000



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cho Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông vay với lãi suất 9%/năm		-		21.000.000.000
- Cho Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước vay với lãi suất 9%/năm		-		20.000.000.000
Cộng		105.304.620.000		168.207.978.880

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam tăng do nhận lãi cổ tức năm 2012 113.196 cổ phiếu với giá trị tăng thêm là 1.131.960.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV giảm do được hoàn trả toàn bộ vốn góp.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi giảm do chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu với giá bán là 1.647.500.000 VND.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(129.274.125.267)	(85.957.448.469)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(43.316.676.798)
Hoàn nhập dự phòng	26.167.324.627	-
Số cuối năm	(103.106.800.640)	(129.274.125.267)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	5.624.639.830	218.093.700	(5.544.953.706)	297.779.824
Chi phí tư vấn	-	4.661.790.000	(4.661.790.000)	-
Chi phí cải tạo	-	5.737.765.593	(239.073.566)	5.498.692.027
Chi phí khác	-	357.000.000	-	357.000.000
Cộng	5.624.639.830	10.974.649.293	(10.445.817.272)	6.153.471.851

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.136.470.098.096	3.868.588.538.580
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	2.239.850.274.030	2.368.375.231.306
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	296.860.288.477	623.117.397.070
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	200.000.000.000	200.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	257.914.306.593	677.095.910.204

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á ^(v)	141.845.228.996	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác và cá nhân	182.655.241.591	267.167.916.000
- Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(vi)	130.591.808.591	180.000.000.000
- Huy động vốn của các cá nhân ^(vii)	52.063.433.000	87.167.916.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30)	226.882.122.110	251.947.727.292
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	137.422.662.650	156.988.267.832
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	29.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu - Chi nhánh Bình Dương	19.459.459.460	19.459.459.460
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế - Chi nhánh Bình Dương	-	15.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	40.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	18.000.000.000	-
- Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương	12.000.000.000	11.000.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	1.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	2.000.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.30)	1.000.000.000.000	-
Cộng	4.546.007.461.797	6.387.704.181.872

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, lãi suất từ 9%/năm đến 13%/năm áp dụng cho mỗi hợp đồng khác nhau. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền kinh doanh và khai thác dự án khu công nghiệp Mỹ Phước 1 theo Hợp đồng thế chấp số 01A/83576/HĐMP1 ngày 27 tháng 9 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 407.341 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án khu công nghiệp Mỹ Phước 2 theo Hợp đồng thế chấp số 02A/83576/HĐMP2 ngày 30 tháng 11 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 614.107 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án khu công nghiệp Mỹ Phước 3 theo Hợp đồng thế chấp số 03A/83576/HĐMP3 ngày 24 tháng 3 năm 2008 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 717.533 triệu VND;
- Quyền sử dụng 140.116,8m² đất ở trong khu Thành phố mới Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 1.541.000 triệu VND;
- Quyền sử dụng 77.859,7m² đất dịch vụ tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ký ngày 20 tháng 11 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 269.390 triệu VND;
- Quyền sử dụng 991.743,2m² đất ở tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 1.090.883 triệu VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 12.57.07/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2012 được sửa đổi bởi hợp đồng tín dụng số 12.57.05/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng 01/2014-HĐTDHM/NHCT680-BECAMEX IDC CORP tháng 5 năm 2014 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản:
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 90.000.000.000 VND gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cầm cố số 13.57.300076619/HĐCC 01 ngày 23 tháng 12 năm 2013;
 - Quyền sử dụng 53.776,6 m² đất thuộc xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo Hợp đồng thế chấp 11.07.05/HĐTC ngày 27/9/2011.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để tái đầu tư dự án khu liên hợp, với lãi suất 10%, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng 102.394,9 m² đất của Tổng Công ty tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721611 ngày 07 tháng 7 năm 2009.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng số 339/2013/HĐTDHM ngày 24 tháng 12 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng, chi phí đầu tư kinh doanh và các chi phí khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh của bên vay được pháp luật cho phép. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng 183.089,1 m² đất tại thửa đất số 682, 151, 41 (O2-18), tờ bản đồ số 41, 43, 2 tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát; xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị định giá là 1.327 tỷ VND.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á theo Hợp đồng tín dụng số 2054.14/HĐTD-HM ngày 10 tháng 11 năm 2014 với hạn mức tín dụng 200 tỷ VND, duy trì hạn mức tín dụng trong 12 tháng từ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Mục đích vay để phát hành bảo lãnh và cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản:
- Quyền sử dụng đất số BI 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6,698.9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53,895.1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số BI 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20,031.8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- (vi) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương theo Hợp đồng số 06/2014/HĐTD-NH ngày 6 tháng 6 năm 2014 để bổ sung nguồn vốn hoạt động phục vụ cho kế hoạch đầu tư năm 2014 (các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền thu cổ tức hàng năm của các công ty con, công ty liên doanh liên kết. Tổng tài sản đảm bảo đạt giá trị tối thiểu 131 tỷ VND.
- (vii) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất từ 0,75%/tháng đến 1%/tháng.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.868.588.538.580	4.655.601.901.905	-	(5.387.720.342.389)	3.136.470.098.096
Vay ngắn hạn các tổ chức khác và cá nhân	267.167.916.000	268.703.249.318	-	(353.215.923.727)	182.655.241.591
Vay dài hạn đến hạn trả	251.947.727.292	-	226.882.122.110	(251.947.727.292)	226.882.122.110
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	2.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	(2.000.000.000.000)	1.000.000.000.000
Cộng	6.387.704.181.872	4.924.305.151.223	1.226.882.122.110	(7.992.883.993.408)	4.546.007.461.797

21. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản	8.046.776.787	49.558.291.124
Phải trả tiền mua vật tư	78.382.632.819	132.098.254.396
Phải trả tiền xây dựng	481.814.336.497	615.845.812.818
Phải trả tiền dịch vụ	24.673.393.922	16.364.812.075
Phải trả tiền vận chuyển	869.288.214	5.221.809.332
Các nhà cung cấp khác	3.235.409.216	4.681.906.134
Cộng	597.021.837.455	823.770.885.879

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chuyển nhượng đất các khu dân cư	81.717.200.305	129.415.996.898
Các nhà đầu tư thuê đất khu công nghiệp	513.167.886.327	504.888.390.201
Các khách hàng mua căn hộ	275.446.042.136	175.477.587.508
Các khách hàng khác	199.541.842.677	210.587.822.729
Cộng	1.069.872.971.445	1.020.369.797.336

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	148.183.596.785	(27.781.869.758)	120.401.727.027
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.715.767.486	(3.715.767.486)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.300.219.060	(15.300.219.060)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.873.231.609	-	(133.405.034.094)	(30.531.802.485)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.809.518.754	1.911.648.863	(4.589.500.513)	(868.332.896)
Thuế thu nhập cá nhân	11.248.905.305	23.236.794.612	(31.432.756.234)	3.052.943.683
Tiền thuế đất	(1.938.284.501)	10.157.088.998	(17.714.482.098)	(9.495.677.601)
Các loại thuế khác	-	321.593.544	(321.593.544)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	205.051.130.939	352.110.118.971	(734.568.059.328)	(177.406.809.418)
Cộng	319.044.502.106	554.936.828.319	(968.829.282.115)	(94.847.951.690)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mù cao su thô, đền bù, giải phóng mặt bằng	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt	5%
- Các hoạt động khác	10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Tổng Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	508.305.664.301	1.340.828.326.379
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.653.299.596	134.223.531.266
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	522.958.963.897	1.475.051.857.645
Thu nhập được miễn thuế	(614.162.778.983)	(849.343.537.398)
Thu nhập tính thuế	(91.203.815.086)	625.708.320.247
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	156.427.080.062

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tổng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	13.943.946.584	44.454.936.132
Phải trả người lao động khác	7.540.087.675	6.194.993.021
Cộng	21.484.034.259	50.649.929.153

Quỹ lương năm 2014 của Tổng Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Chi phí lương của Tổng Công ty bao gồm quỹ lương được xác định theo hướng dẫn nêu trên và các khoản lương chuyên gia trong và ngoài nước được chi trả theo hợp đồng.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	363.547.278.200	66.252.317.663
Trích trước giá vốn các dự án	9.089.520.977.445	8.000.346.902.749
Cộng	9.453.068.255.645	8.066.599.220.412

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.119.825.565	1.571.791.576
Nhận ký quỹ ngắn hạn	13.107.130.463	11.627.066.132
- Tiền ký quỹ đảm bảo hợp đồng của đội xe ben	11.222.816.635	10.648.919.788
- Tiền ký quỹ nhận xe của đội xe ben	1.217.313.828	626.146.344
- Ký quỹ thi công xây dựng khu Mỹ Phước	667.000.000	352.000.000
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	489.635.224.945	474.761.831.083
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật IJC – tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	459.635.224.945	440.122.940.486
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật IJC - tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore - chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng	-	4.638.890.597
Các khoản phải trả khác	1.841.904.013	5.825.906.543
- Các khoản khách hàng ứng trước để sang nhượng căn hộ thuộc dự án Becamex Center	-	3.981.513.500
- Thu thuế trước bạ, lệ phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cá nhân tạm thời chưa nộp cho Nhà nước	324.935.520	497.192.382
- Thuế thu nhập cá nhân phải trả người lao động	2.194.215.975	1.065.893.083
- Các khoản phải trả khác	590.095.659	281.307.578
Cộng	507.971.428.127	493.786.595.334



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chuyển từ quỹ lương	Nhận tiền ủng hộ	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	241.486.509.866	4.705.320.833	530.533.110	401.426.756	(127.250.757.993)	119.873.032.572
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.401.107.500	-	-	-	(1.401.107.500)	-
Cộng	242.887.617.366	4.705.320.833	530.533.109	401.426.756	(128.651.865.493)	119.873.032.572

28. Phải trả dài hạn người bán

Phải trả tiền mua tài sản.

29. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ thi công, thuê chợ dài hạn.

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.273.803.870.745	1.116.757.957.651
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	266.871.438.310	207.866.065.756
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	92.432.432.435	111.891.891.895
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	540.000.000.000	580.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	194.500.000.000	217.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương ^(v)	180.000.000.000	-
Vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(vi)	95.000.000.000	107.000.000.000
Trái phiếu có bảo đảm	7.200.000.000.000	6.500.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	-	1.000.000.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán FPT ^(viii)	-	750.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ^(viii)	600.000.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong ^(viii)	150.000.000.000	-
- Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank ^(ix)	750.000.000.000	750.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(x)	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam ^(xi)	1.000.000.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông ^(xi)	400.000.000.000	-
- Ngân hàng TNHH Indovina ^(xi)	100.000.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt ^(xii)	200.000.000.000	-
Cộng	8.568.803.870.745	7.723.757.957.651

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/83576/HDDH ngày 29 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay 500 tỷ VND, thời hạn 10 năm để thực hiện dự án đầu tư "Bệnh viện đa khoa quốc tế Miền Đông - Giai đoạn 1" bao gồm thanh toán tiền mua, nhập khẩu máy móc thiết bị y tế và chi phí xây dựng cơ bản, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
 - Giá trị quyền sử dụng đất ở chính khu đất đang xây dựng bệnh viện của Tổng Công ty theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013;
 - Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đầu tư bao gồm: công trình xây dựng bệnh viện, nhà văn phòng, cơ sở hạ tầng gắn liền với quyền sử dụng đất và máy móc trang thiết bị y tế thuộc dự án;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Tổng Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác (xem thuyết minh số V.1 và V.2);
 - Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Tổng Công ty và đối tác khác mà Tổng Công ty là người thụ hưởng. Toàn bộ các khoản phải thu, nguyên vật liệu - hàng hóa tồn kho, chi phí sản xuất dở dang bảo đảm nợ vay cho ngân hàng.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/83576/HDDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 154.316 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để "Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 1 B Mỹ Phước 1", lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/83576/HDDH ngày 30 tháng 12 năm 2013 với hạn mức vay là 269.293 triệu VND, thời hạn vay là 36 tháng để "Xây dựng nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu Hòa Lợi", lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 76 Quyền sử dụng đất tại xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá là 1.090.883 triệu VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2010/00206 ngày 14 tháng 6 năm 2010, thời hạn 10 năm để xây dựng công trình giao thông Khu liên hợp - dịch vụ - đô thị Bình Dương. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng 102.394,9 m² đất của Tổng Công ty tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721611 ngày 7 tháng 7 năm 2009. Gốc vay được trả hàng quý với số tiền là 4.864.864.860 VND, kỳ đầu tiên vào ngày 15 tháng 7 năm 2011.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 040D13 ngày 27 tháng 9 năm 2013 với số tiền 600 tỷ VND, thời hạn 84 tháng để bù đắp phần chi phí đền bù giải tỏa Khu công nghiệp Bàu Bàng và thanh toán các chi phí đầu tư thi công cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
- Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.529.292 m² tại Khu công nghiệp Bàu Bàng;
 - Toàn bộ quyền kinh doanh và khai thác Khu công nghiệp Bàu Bàng.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 07/2010/HĐTD-DA (MP-TV) ngày 07 tháng 10 năm 2010 với số tiền 1.500 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ban hành cộng biên độ 3,5%/năm để thực hiện Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản Dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1219.14/HĐTD-TDH ngày 10 tháng 11 năm 2014 với thời hạn vay là 24 tháng để bù đắp chi phí thực hiện dự án “Đường vào Trung tâm chính trị - hành chính tập trung tỉnh Bình Dương”, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kì 13 tháng bằng VND + biên độ 2,5%/năm (lãi suất hiện đang áp dụng là 10,15%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng 03 Lô đất tại TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cụ thể:
- Quyền sử dụng đất số BI 645760 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 6,698.9 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số AN 721582 ngày 07 tháng 7 năm 2009 với tổng diện tích 53,895.1 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
 - Quyền sử dụng đất số BI 645779 ngày 28 tháng 3 năm 2012 với tổng diện tích 20,031.8 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (vi) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng số 06/2007/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2007 với lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn 99 tháng kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 15 tháng) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án “Đầu tư khu cư xá công nhân Mỹ Phước”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là “Khu cư xá công nhân Mỹ Phước”;
 - Hợp đồng số 12/2010/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2010 với lãi suất 09%/năm, thời hạn 15 năm kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 04 năm) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án “Đầu tư đường Mỹ Phước - Tân Vạn”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là “Quyền quản lý & thu phí giao thông đường Mỹ Phước Tân Vạn”.
- (vii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí Toàn Cầu nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để huy động vốn trung dài hạn để thực hiện dự án “Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương”:
- Đợt 1: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 6 năm 2010. Ngày thanh toán lãi là ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 28 tháng 12 năm 2010. Lãi suất 14,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 3,5% /năm.
- Đợt 2: Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 12 năm 2010. Ngày thanh toán lãi là ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 28 tháng 6 năm 2011. Lãi suất 15,625%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 3,5% /năm.

1016
i T1
HỒ
A TL
C
HỒ

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo (cho cả đợt 1 và đợt 2): Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty trên diện tích 435.912,4 m² đất thuộc dự án Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP927770 với diện tích 169.167,1 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721591 với diện tích 111.104 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721657 với diện tích 86.452,1 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN721595 với diện tích 69.189,2 m².

- (viii) Trái phiếu phát hành cho Công ty cổ phần chứng khoán FPT nay chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 750 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 07 tháng 12 năm 2011. Ngày thanh toán lãi là ngày 07 tháng 6 và ngày 07 tháng 12 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 07 tháng 6 năm 2012. Lãi suất 17,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 41.681,6 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên và xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 51.751,3 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 105.240 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 47.332,8 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 9.057 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 100.858,7 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 44.651,3 m² đất ở nông thôn tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 40.556 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 23.141 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

- (ix) Trái phiếu phát hành cho Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 750 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 19 tháng 10 năm 2011. Ngày thanh toán lãi là ngày 19 tháng 10 và ngày 19 tháng 4 hàng năm, kỳ tính lãi đầu tiên là ngày 19 tháng 4 năm 2012. Lãi suất 17,5%/năm cho kỳ đầu tiên, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng đối với Đồng Việt Nam công bố tại sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng lãi biên 4%/năm.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 41.681,6 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên và xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 51.751,3 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 105.240 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 47.332,8 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 9.057 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 100.858,7 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 44.651,3 m² đất ở nông thôn tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 40.556 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 23.141 m² đất ở nông thôn tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

- (x) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành là ngày 30 tháng 12 năm 2013. Ngày thanh toán lãi là ngày 02/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất 13,5%/năm cho năm đầu tiên, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai cộng (+) biên độ 4,0%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trên đất của Tổng Công ty trên diện tích 265.437 m² đất ở và 264.022 m² đất Trường Đại học - Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ - đô thị Bình Dương.

- (xi) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam sau đó chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông với số tiền 400 tỷ VND và Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền 100 tỷ VND:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 200 tỷ VND để cơ cấu, tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 28 tháng 2 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ 2.

Tài sản đảm bảo: Giá trị quyền sử dụng 40.667 m² đất tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- (xii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt:

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND để đầu tư cho khu liên hiệp như: nhà khách thuộc Khu hành chính tập trung, nhà công vụ tỉnh Bình Dương; 03 tuyến đường đầu nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên; khu nhà ở xã hội Hòa Lợi; khu nhà phố liền kề C2-C4; Cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn sang vốn dài hạn đã đầu tư vào các dự án khu liên hiệp như Trường Đại học Quốc tế Miền Đông; nhà ở xã hội Hòa Lợi; 6 tuyến đường tạo lực (từ 2-7); 3 tuyến đường đầu nối từ khu liên hiệp qua huyện Tân Uyên. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi danh có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá, thời hạn 5 năm kể từ ngày phát hành là ngày 04 tháng 3 năm 2014. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên, kỳ thứ hai là 14%/năm và bằng tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm từ kỳ tính lãi thứ ba.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 13.511 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng 1.817,7 m² đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Khu đô thị mới); Quyền sử dụng 13.161,3 m² đất tại xã Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.500.685.992.855	214.882.122.110	1.273.803.870.745
Vay dài hạn tổ chức khác	277.655.241.591	12.000.000.000	95.000.000.000
Trái phiếu có đảm bảo	8.200.000.000.000	1.000.000.000.000	7.200.000.000.000
Cộng	9.978.341.234.446	1.226.882.122.110	8.568.803.870.745

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.116.757.957.651	376.428.035.204	(214.882.122.110)	(4.500.000.000)	1.273.803.870.745
Vay dài hạn tổ chức khác	107.000.000.000	-	(12.000.000.000)	-	95.000.000.000
Trái phiếu có đảm bảo	6.500.000.000.000	1.700.000.000.000	(1.000.000.000.000)	-	7.200.000.000.000
Cộng	7.723.757.957.651	2.076.428.035.204	(1.226.882.122.110)	(4.500.000.000)	8.568.803.870.745

31. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thuê đất nhận trước tại các khu công nghiệp.

32. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.049.785.513	18.576.909.996
Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ	(759.260.274)	(527.124.483)
Số cuối năm	17.290.525.239	18.049.785.513

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 85/2011/QĐ-TC ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên theo hướng dẫn tại Thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

33. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.809.654.959.084	1.886.987.867.310
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.583.508.145.970	1.694.227.382.009
- Doanh thu xây dựng	47.125.880.409	39.455.469.796
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	149.052.517.480	128.038.138.508
- Doanh thu hoạt động khác	29.968.415.225	25.266.876.997
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.922.040.187)	(16.786.893.459)
- Giảm giá hàng bán	-	(105.296.392)
- Hàng bán bị trả lại	(7.922.040.187)	(16.681.597.067)
Doanh thu thuần	3.801.732.918.897	1.870.200.973.851
Trong đó:		
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	3.575.586.105.783	1.677.545.784.942
- Doanh thu thuần xây dựng	47.125.880.409	39.455.469.796
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	149.052.517.480	127.932.842.116
- Doanh thu thuần hoạt động khác	29.968.415.225	25.266.876.997

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.370.981.994.046	823.618.703.522
Giá vốn xây dựng	40.377.535.619	36.850.814.800
Giá vốn dịch vụ	33.833.365.488	4.044.177.131
Giá vốn hoạt động khác	27.631.014.749	12.554.687.876
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	759.962.646	3.128.837.451
Cộng	3.473.583.872.548	880.197.220.780

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.198.231.603	2.441.612.227
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	106.695.563.986	270.291.297.228
Lãi cho vay, lãi trả chậm	26.568.249.391	65.658.399.338
Lãi chuyển nhượng cổ phần	10.077.983.520	3.360.020.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	614.162.778.983	849.343.537.398
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.684.542.198	187.285.550
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	939.149.595	8.484.193.743
Doanh thu hoạt động tài chính khác	69.728.172.757	109.839.266
Cộng	836.054.672.033	1.199.876.184.750

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	185.153.036.374	201.359.153.534
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.658.229.437	1.541.378.679
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(26.167.324.627)	43.316.676.798
Chi phí khác	489.787.723	340.800.000
Cộng	161.133.728.907	246.558.009.011

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	122.762.085.066	187.578.155.901
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.236.602.319	74.568.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.381.818.711	159.055.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.291.535.850	137.494.612.967
Chi phí bằng tiền khác	36.816.499.879	23.446.953.160
Cộng	362.488.541.825	348.753.345.744

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.546.915.967	125.737.301.147
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.280.404.098	7.539.144.784
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.112.893.925	5.445.329.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.834.659.383	19.784.091.464
Thuế, phí và lệ phí	10.741.488.880	12.498.734.718
Chi phí dự phòng	-	100.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.519.134.874	8.252.528.947
Chi phí khác	50.883.500.680	54.059.809.224
Cộng	114.918.997.807	233.417.739.985

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	186.245.091	142.727.272
Thù lao Hội đồng quản trị từ Công ty con, liên kết	2.406.264.884	2.260.090.452
Cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vườn cây cao su	960.040.000	4.232.053.388
Xuất bán tài sản cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	20.053.429.071	-
Các khoản thu nhập khác	30.548.140.323	23.968.120.827
Cộng	54.154.119.369	30.602.991.939

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi thù lao người đại diện công ty con, liên kết	1.968.316.874	2.176.090.452
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.412.325	-
Giá vốn tài sản bán cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	20.053.429.071	-
Chi phí sản vận động tỉnh Bình Dương	14.218.884.000	25.136.571.822
Các khoản chi phí khác	32.742.009.681	23.612.846.367
Cộng	71.510.904.911	50.925.508.641

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	358.914.106.466	280.245.292.370
Chi phí nhân công	319.639.594.581	487.103.898.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.797.338.324	50.883.565.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.750.289.376.328	3.590.962.578.955
Chi phí khác	103.354.076.796	90.106.297.102
Cộng	4.597.994.492.495	4.499.301.632.385

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Tổng Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	51.823.484.787	49.558.291.124
Trả trước tiền mua tài sản cố định	386.622.200	18.438.815.520
Hàng tồn kho chuyển sang bất động sản đầu tư	168.727.823.457	43.567.891.176
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang hàng tồn kho	135.886.077.950	-
Tăng vốn từ sáp nhập Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương	-	49.724.371.369
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	2.769.458.592	3.232.699.680
Góp vốn bằng lãi cổ tức vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	35.325.872.850	-
Chuyển nợ phải thu thành khoản góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	-	41.500.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia chưa thu	2.820.543.264.124	2.595.162.688.778
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	55.691.582.650	47.473.850.950
Thanh lý các khoản đầu tư chưa thu tiền	92.600.020.000	53.180.020.000
Lãi hợp tác kinh doanh tạm chia chưa thanh toán cho Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi vay chưa thanh toán	16.494.710.748	66.252.317.663
Chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị công trình	841.243.010.695	476.821.232.084
Tăng khoản đầu tư vào Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam từ cổ phiếu được chia	1.131.960.000	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	1.381.539.169.028	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết bảo lãnh

Tổng Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay và phát hành trái phiếu của các công ty con như sau:

- Bảo lãnh khoản vay ngắn hạn của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với số tiền bảo lãnh tối đa là 55 tỷ VND.
- Cam kết dùng giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đình Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (03-2), diện tích 102.733,9 m² để bảo lãnh đợt phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam là 118 tỷ VND và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là 382 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.799.129.068	2.166.000.000
Tiền thưởng	2.752.112.632	1.869.642.500
Cộng	4.551.241.700	4.035.642.500

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty con
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty con
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Setia - Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam (VNTT)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên IJC	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex (BTI)	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	kinh doanh và phát triển Bình Dương Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần bê tông Becamex
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Công ty con của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex
Công ty TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết của Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	1.301.122.467.178	-
Xuất bán hàng hóa, bàn ghế cho trung tâm thương mại	13.351.717.203	-
Cho thuê văn phòng	-	1.886.051.907
Bán căn hộ	26.610.941.522	25.218.121.340
Tiền điện	4.710.678.427	11.280.357.051
Nhận cung cấp dịch vụ (thi công trang trí nội thất)	536.664	3.082.244.545
Cổ tức được chia	129.639.603.600	129.639.603.600
Lãi chậm trả cổ tức	13.087.309.418	17.247.604.538
Thu tiền và nhận các chi phí tham gia dự án hợp tác kinh doanh	19.512.284.459	21.886.536.753
Tạm chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	30.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên IJC		
Nhận cung cấp dịch vụ ăn uống	2.199.027.134	2.895.623.046
Tiền điện	3.222.471.510	1.068.125.520
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex (BTI)		
Vé máy bay	301.299.614	-
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex		
Nhận cung cấp dịch vụ	2.788.201.093	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị UDJ		
Thuê mặt bằng	18.181.818	109.090.909
Mua bê tông	3.228.415.554	26.093.074.075
Cổ tức được chia	9.256.500.000	9.256.500.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	355.482.371.916	858.893.058.148
Nhận cung cấp thi công công trình	307.451.244.047	370.872.809.028
Mua vật tư cho các công trình	57.351.974.933	-
Mua bất động sản	2.157.916.850	-
Cổ tức được chia	54.630.450.000	97.120.800.000
Lãi cho vay	-	38.823.750.000
Lãi chậm trả cổ tức	8.123.750.250	9.080.794.800
Nhận thầu công trình	-	21.169.637.272
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Cho thuê đất	-	4.214.612.182
Phí xử lý nước thải, duy tu, phí quản lý	344.477.064	-
Mua vật tư cho các công trình	19.613.940.857	-
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i>		
Phí quản lý	74.069.655	73.468.364
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Mua gạch	156.417.000	400.201.000
Chi phí vận chuyển	993.895.000	-
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Phí quản lý, tiền điện	210.989.576	2.333.947.625
Xử lý nước thải	8.982.957	18.241.494
Xây dựng công trình	225.145.632.409	565.233.194.965
Mua vật tư	1.661.535.000	-
Cổ tức được chia	13.992.532.200	20.211.435.400
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.939.125.000	3.341.038.708
Tiền điện	300.487.624	-
Cổ tức được chia	5.237.360.000	5.237.360.000
Lãi vay	967.500.000	-
Cho vay dài hạn	-	20.000.000.000
Chi phí khảo sát địa chất công trình	-	63.818.182
Nhận cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh	-	45.023.500
Góp vốn	65.467.000.000	-
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Phải thu tiền lập hồ sơ xin nâng cấp công suất công trình	-	110.029.818
Tiền vận chuyển đá	1.934.205.734	-
Mua đá	37.370.567.930	67.815.253.808
Nhận cung cấp dịch vụ di dời đá	275.000.000	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần đất ốp lát An Bình</i>		
Mua đá	87.154.000	556.782.600
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Phí quản lý	244.927.127	242.938.829
Vận chuyển bê tông	-	71.868.120
Tiền thuê đất	205.488.039	202.632.503
Mua nguyên vật liệu	55.484.145.630	-
Nhận cung cấp thi công công trình	155.410.928.204	317.926.433.431
Cổ tức được chia	19.809.100.800	29.346.816.000
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn	50.923.100.000	-
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	-	25.933.809.520
Tư vấn thiết kế, xây dựng công trình	863.636.364	-
Phí xử lý nước thải	47.387.107	40.098.704
Mua thuốc	-	299.489.131
Cổ tức được chia	1.442.280.000	1.030.200.000
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Học phí phải trả	665.822.400	-
Chi hộ lương của Trung tâm Nhật ngữ	1.643.391.914	-
Chi hộ tiền lương	29.338.021.929	21.291.481.753
Chi hộ chi phí hoạt động	46.338.627.978	22.232.238.883
<i>Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương</i>		
Mua nước	1.086.578.858	3.379.993.904
Mua nguyên vật liệu	5.352.166.000	-
Thuê dịch vụ	476.953.394	4.097.784.000
Cổ tức được chia	66.699.684.347	-
Góp vốn	45.451.294.393	-
<i>Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương</i>		
Tiền mù cao su	14.053.667.755	-
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore</i>		
Thực hiện các công trình xây dựng	9.799.322.227	38.852.949.796
Cổ tức được chia	258.902.101.049	513.506.407.027
Góp vốn	38.095.331.442	-
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Cổ tức được chia	8.915.662.400	5.572.289.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương</i>		
Thuê văn phòng, tiền điện	301.776.452	302.308.835
Chi phí bảo hiểm	815.882.442	9.508.602.470
Cổ tức được chia	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam</i>		
Tiền điện	10.641.763	123.718.305
Cung cấp thiết bị cho các công trình	34.930.322.985	87.784.989.896
Nhận cung cấp dịch vụ cước	684.048.206	-
Mua tài sản cố định	1.400.376.890	-
Cổ tức được chia	-	23.972.080.000
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Thuê văn phòng, tiền điện	2.295.294.291	3.782.310.772
<i>Công ty TNHH xe buýt Becamex Tokyu</i>		
Thuê văn phòng, tiền điện	39.351.397	-
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	-	38.062.573.124
Tiền nước	10.893.333	-
Cho vay dài hạn	-	30.000.000.000
Cổ tức được chia	2.013.000.000	4.575.000.000
Lãi dự thu	1.444.475.000	1.263.250.000
Góp vốn	-	41.500.000.000
<i>Công ty TNHH SinViet</i>		
Mua nước uống	-	35.516.000
Cung cấp dịch vụ	17.003.196	133.032.517
Thuê đất	1.773.445.338	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt</i>		
Tiền điện	70.849.963	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn bảo lãnh các khoản vay, phát hành trái phiếu của các công ty con (xem thuyết minh số VIII.1).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất	355.444.748.100	129.053.243.100
Phải thu về thi công Quốc lộ 13	25.040.872.374	25.040.872.374
Phải thu tiền sang nhượng sản phẩm của dự án hợp tác kinh doanh	22.306.581.204	10.637.614.687

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền chuyển nhượng 5 tầng Becamex Tower	192.234.897.479	192.234.897.479
Phải thu tiền điện chi hộ	577.288.619	12.300.256.826
Phải thu tiền xuất hàng hóa, bàn ghế cho Trung tâm thương mại	14.557.844.259	-
Lãi dự thu	30.334.913.956	17.247.604.538
Cổ tức phải thu	451.840.383.800	469.340.383.800
Công ty TNHH một thành viên IJC		
Phải thu tiền điện chi hộ	-	534.430.512
Công ty cổ phần phát triển đô thị UDJ		
Phải thu tiền cho thuê mặt bằng	-	120.000.000
Cổ tức phải thu	9.256.500.000	9.256.500.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Trả trước tiền cung cấp vật tư	257.070.429.514	23.382.740.069
Phải thu tiền sang nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê mặt bằng	450.298.088.557	891.535.938.557
Cổ tức phải thu	248.872.050.000	279.222.300.000
Lãi chậm trả cổ tức	17.204.545.050	9.080.794.800
Phải thu chi phí bảo hành TDC Plaza	-	1.454.099.844
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân		
Phải thu tiền thuê đất	2.290.964.682	1.921.029.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex		
Phải thu phí quản lý	3.061.173.963	3.574.687.034
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Phải thu tiền thuê đất, phí quản lý	5.964.761.568	5.795.110.363
Phải thu tiền điện	1.994.392.363	1.922.073.779
Cổ tức phải thu	13.992.532.200	20.211.435.400
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Cho vay dài hạn	-	20.000.000.000
Cổ tức phải thu	6.546.700.000	11.784.060.000
Phải thu khảo sát địa chất công trình	-	70.200.000
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Phải thu tiền sang nhượng tài sản cố định	539.000.000	539.000.000
Phải thu tiền vận chuyển đá	2.127.627.107	-
Phải thu khác	121.032.000	121.032.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Phải thu tiền thuê đất, phí quản lý, thuê xe	158.461.107	186.246.900
Cổ tức phải thu	16.140.748.800	18.341.760.000
Công ty cổ phần dược Becamex		
Phải thu tiền hàng hóa, dịch vụ	16.615.347.572	-
Phải thu tiền sang nhượng quyền sử dụng đất	81.993.636.400	148.673.183.667
Cổ tức phải thu	1.442.280.000	1.030.200.000



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Phải thu tiền đầu tư cho Trung tâm Nhật ngữ	619.040.000	619.040.000
Chi hộ chi phí hoạt động cho Trung tâm Nhật ngữ	1.623.632.515	154.872.055
Chi hộ tiền lương	50.629.503.682	21.291.481.753
Chi hộ chi phí hoạt động	73.155.908.779	22.232.238.883
<i>Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương</i>		
Phải thu tiền bán hàng	173.215.020	173.215.020
Cổ tức được chia	62.768.471.521	-
Ứng trước tiền mua hàng	98.835.080	107.906.980
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore</i>		
Phải thu tiền thi công các công trình xây dựng	23.754.342.926	24.265.796.161
Cổ tức phải thu	1.987.975.520.444	1.764.399.292.245
<i>Công ty cổ phần Setia - Becamex</i>		
Phải thu tiền sang nhượng quyền sử dụng đất	11.471.166.757	11.471.166.757
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Lợi nhuận được chia	8.915.662.400	5.572.289.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương</i>		
Ứng trước phí bảo hiểm	44.000.000	-
Ứng trước tiền thuê văn phòng	-	50.160.000
Cổ tức phải thu	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông Việt Nam</i>		
Phải thu tiền điện	2.833.933	662.701
Cổ tức phải thu	13.973.818.333	13.973.818.333
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Phải thu tiền thuê văn phòng	-	1.152.890.480
<i>Công ty TNHH xe buýt Becamex Tokyu</i>		
Phải thu tiền điện, thuê văn phòng	43.286.537	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt</i>		
Phải thu tiền điện	32.267.160	-
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Cho vay dài hạn	-	21.000.000.000
Lãi dự thu	2.707.725.000	1.263.250.000
Cổ tức phải thu	2.013.000.000	-
Phải thu dịch vụ cung cấp	11.438.000	-
<i>Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương</i>		
Tiền mủ cao su	4.012.073.368	-
Cộng nợ phải thu	<u>4.473.853.542.129</u>	<u>4.194.139.775.097</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Phải trả tiền mua căn hộ chung cư Aroma	43.776.708.000	50.782.617.000
Phải trả dịch vụ	358.442.278	358.442.278
Tiền nhận tham gia hợp tác kinh doanh	459.635.224.945	440.122.940.486
Tạm chia lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ	210.100.000	210.100.000
Công ty TNHH một thành viên IJC		
Phải trả dịch vụ	-	947.425.387
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex		
Phải trả dịch vụ	2.438.922.113	-
Nhận ứng trước tiền điện	21.364.571	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị UDJ		
Phải trả tiền mua vật tư	-	6.217.596.062
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Phải trả tiền mua vật tư, xây dựng	-	81.429.591.000
Phải trả tiền mua bất động sản	31.990.193.487	-
Nhận ký quỹ	171.900.000	171.900.000
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân		
Mua vật tư cho các công trình	23.520.035.343	15.991.366.700
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Mua vật tư cho các công trình	331.806.200	258.692.500
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	292.622.000	-
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Xây dựng công trình	160.561.022.271	250.721.579.622
Phải trả nhận ứng trước thuê đất, phí dịch vụ	798.410.140	798.410.140
Nhận ký quỹ	312.840.000	312.840.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Ứng trước tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.868.925.000	-
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua đá	37.115.201.740	43.911.247.941
Phải trả tiền vận chuyển đá	275.000.000	-
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình		
Mua đá	-	316.790.100
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Phải trả mua vật tư, mua tài sản cố định, chi phí thi công công trình	79.495.777.089	89.488.330.279
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	39.172.913	203.351.799
Công ty cổ phần dược Becamex		
Mua thuốc	-	299.489.131

141
NG
HIỆP
ANH
&
T.F

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	2.569.246.600	3.113.552.275
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore		
Chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng	-	4.638.890.597
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương		
Phí bảo hiểm	-	93.591.365
Ứng trước tiền thuê văn phòng	50.160.000	50.160.000
Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông Việt Nam		
Cung cấp thiết bị cho các công trình	72.439.341.381	97.224.212.580
Phải trả tiền mua sắm TSCĐ	1.400.376.890	-
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	83.685.182	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Ứng trước tiền thuê văn phòng	421.789.200	-
Công ty TNHH SinViet		
Nước uống	-	3.832.400
Cộng nợ phải trả	<u>951.178.267.343</u>	<u>1.117.463.597.843</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	24.274.185.738	18.335.153.107
Trên 1 năm đến 5 năm	97.096.742.953	73.340.612.429
Trên 5 năm	886.007.779.445	689.993.380.978
Cộng	<u>1.007.378.708.136</u>	<u>781.669.146.514</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn và các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản cho vay, phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản phải thu khác của các công ty con, công ty liên kết nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khác là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.549.069.409.966	-	2.549.069.409.966
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.000.000.000	-	44.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.270.903.170.071	-	3.270.903.170.071
Các khoản cho vay	25.500.000.000	-	25.500.000.000
Các khoản phải thu khác	3.122.831.319.831	-	3.122.831.319.831
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	105.304.620.000	-	105.304.620.000
Cộng	9.117.608.519.868	-	9.117.608.519.868
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.686.628.877.930	-	4.686.628.877.930
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.460.000.000	-	10.460.000.000
Phải thu khách hàng	2.077.976.414.186	100.800.000	2.078.077.214.186
Các khoản cho vay	67.000.000.000	-	67.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.751.499.619.507	-	2.751.499.619.507
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	127.207.978.880	-	127.207.978.880
Cộng	9.720.772.890.503	100.800.000	9.720.873.690.503



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	4.546.007.461.797	8.568.803.870.745	-	13.114.811.332.542
Phải trả người bán	597.021.837.455	43.776.708.000	-	640.798.545.455
Các khoản phải trả khác	9.926.400.706.712	2.719.840.000	-	9.929.120.546.712
Cộng	15.069.430.005.964	8.615.300.418.745	-	23.684.730.424.709
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.387.704.181.872	7.228.543.903.596	495.214.054.055	14.111.462.139.523
Phải trả người bán	823.770.885.879	-	-	823.770.885.879
Các khoản phải trả khác	8.559.775.778.705	-	-	8.559.775.778.705
Cộng	15.771.250.846.456	7.228.543.903.596	495.214.054.055	23.495.008.804.107

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu/hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty thanh toán lương cho người nước ngoài với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty có khoản tiền gửi ngân hàng gốc USD tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.420.336,65 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 450.270,06 USD).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và trái phiếu có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tổng Công ty có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.114.811.332.542 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 14.111.462.139.523 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 262.296.226.651 VND (năm trước giảm/tăng 211.671.932.093 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu/hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch xây dựng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	730.155.850.578	643.342.885.212
Các khoản tương đương tiền	777.500.000.000	1.471.818.990.232
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	44.000.000.000	10.460.000.000
Quyền thu cổ tức từ công ty con, liên kết	180.000.000.000	180.000.000.000
Cộng	1.731.655.850.578	2.305.621.875.444

Tổng Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tổng Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.549.069.409.966	-	4.686.628.877.930	-	2.539.069.409.966	4.686.628.877.930
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.000.000.000	-	10.460.000.000	-	44.000.000.000	10.460.000.000
Phải thu khách hàng	3.270.903.170.071	-	2.078.077.214.186	(100.800.000)	3.270.903.170.071	2.077.976.414.186
Các khoản cho vay	25.500.000.000	-	67.000.000.000	-	25.500.000.000	67.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.122.831.319.831	-	2.751.499.619.507	-	3.132.831.319.831	2.751.499.619.507
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	105.304.620.000	-	127.207.978.880	-	105.304.620.000	127.207.978.880
Cộng	9.117.608.519.868	-	9.720.873.690.503	(100.800.000)	9.117.608.519.868	9.720.772.890.503

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	13.114.811.332.542	14.111.462.139.523	13.114.811.332.542	14.111.462.139.523
Phải trả người bán	640.798.545.455	823.770.885.879	640.798.545.455	823.770.885.879
Các khoản phải trả khác	9.929.120.546.712	8.559.775.778.705	9.929.120.546.712	8.559.775.778.705
Cộng	23.684.730.424.709	23.495.008.804.107	23.684.730.424.709	23.495.008.804.107

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2015



Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

1818-1
TY
HỮU
TƯ
C
HOC

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	201.004.267.977	37.502.776.894	213.815.722.586	30.088.664.187	28.281.937.729	510.693.369.373	
Tăng trong năm	18.444.556.818	-	12.722.448.547	1.845.259.890	-	33.012.265.255	
Mua sắm mới trong năm	16.035.465.909	-	-	1.845.259.890	-	17.880.725.799	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm	2.409.090.909	-	12.722.448.547	-	-	15.131.539.456	
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(2.218.527.658)	(2.775.860.556)	(419.360.000)	(6.345.097.183)	-	(11.758.845.397)	
Số cuối năm	217.230.297.137	34.726.916.338	226.118.811.133	25.588.826.894	28.281.937.729	531.946.789.231	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.648.030.292	7.715.678.219	100.805.046.345	18.506.307.545	-	134.675.062.401	
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	22.257.702.624	13.689.117.509	157.270.210.226	22.032.731.282	6.614.546.087	221.864.307.728	
Khấu hao trong năm	22.492.399.781	5.529.146.057	26.852.918.451	5.796.035.309	2.828.193.780	63.498.693.378	
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(2.033.650.344)	(1.420.527.072)	(419.360.000)	(5.475.226.123)	-	(9.348.763.539)	
Số cuối năm	42.716.452.061	17.797.736.494	183.703.768.677	22.353.540.468	9.442.739.867	276.014.237.567	
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	178.746.565.353	23.813.659.385	56.545.512.360	8.055.932.905	21.667.391.642	288.829.061.645	
Số cuối năm	174.513.845.076	16.929.179.844	42.415.042.456	3.235.286.426	18.839.197.862	255.932.551.664	

Trong đó:

Đang chờ thanh lý

(Handwritten signature)

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển hàng tồn kho trong năm	Chuyển cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông (17.894.079.176)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	115.328.013.034	56.442.050.957	(15.131.539.456)	(135.886.077.950)		2.858.367.409
Công trình xây dựng khu nhà xưởng 17CN và A18 Khu công nghiệp Bàu Bàng	33.136.364	-	-	-	-	33.136.364
Cộng	115.361.149.398	56.442.050.957	(15.131.539.456)	(135.886.077.950)	(17.894.079.176)	2.891.503.773

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Mỹ Kim
Người lập biểu



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	5.500.000.000.000	314.532.912.765	559.330.694.427	49.034.194.080	6.422.897.801.272
Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung vốn trong năm trước	580.129.156.658	-	-	-	580.129.156.658
Tăng vốn do sáp nhập Công ty TNHH một thành viên cao su Bình Dương	49.724.371.369	-	-	-	49.724.371.369
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm trước	3.232.699.680	-	-	-	3.232.699.680
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.184.401.246.317	1.184.401.246.317
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	355.264.188.230	-	(399.033.673.170)	(43.769.484.940)
Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển trong năm trước	-	559.330.694.427	(559.330.694.427)	-	-
Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước trong năm trước	-	-	-	(785.180.287.597)	(785.180.287.597)
Ứng lãi liên doanh Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật (LJC)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	6.133.086.227.707	1.229.127.795.422	-	19.221.479.630	7.381.435.502.759

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 230 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	6.133.086.227.707	1.229.127.795.422	-	19.221.479.630	7.381.435.502.759
Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung vốn trong năm nay	733.379.157.940	-	-	-	733.379.157.940
Góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm nay	2.769.458.592	-	-	-	2.769.458.592
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	1.381.539.169.028	(1.381.539.169.028)	-	-	-
Giảm vốn theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	(497.970.173.338)	-	-	-	(497.970.173.338)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	508.305.664.301	508.305.664.301
Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước trong năm nay	-	-	-	(350.921.217.584)	(350.921.217.584)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	152.411.373.606	-	(157.116.694.439)	(4.705.320.833)
Số dư cuối năm nay	7.752.803.839.929	-	-	19.489.231.908	7.772.293.071.837


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu


Nguyễn Văn Dành
Kế toán trưởng


Binh Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2015
Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

